

**VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT****ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH****ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH NINH THUẬN****CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 64/2019/QĐ-UBND

Ninh Thuận, ngày 08 tháng 11 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH****Ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng  
của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc tỉnh Ninh Thuận****ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN***Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;**Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;**Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;**Căn cứ Nghị định số 04/2019/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô;**Thực hiện Công văn số 4379-CV/TU ngày 04 tháng 10 năm 2019 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc thống nhất tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc tỉnh;**Thực hiện Công văn số 112/HĐND-VP ngày 18 tháng 9 năm 2019 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thống nhất tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc tỉnh;**Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 2849/TTr-STC ngày 22 tháng 10 năm 2019 và Báo cáo thẩm định số 1366/BC-STP ngày 18 tháng 7 năm 2019 của Sở Tư pháp.***QUYẾT ĐỊNH:****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quyết định này ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Ninh Thuận.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Cơ quan Nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập được ngân sách Nhà nước đảm bảo kinh phí hoạt động, ban quản lý dự án sử dụng vốn Nhà nước ở cấp tỉnh (sau đây gọi là cơ quan, tổ chức, đơn vị).

2. Riêng đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư, người đứng đầu đơn vị ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng (đối tượng sử dụng, chủng loại, số lượng, mức giá) tại đơn vị.

### **Điều 3. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc tỉnh Ninh Thuận**

1. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc tỉnh Ninh Thuận theo biểu phụ lục đính kèm.

2. Tiêu chuẩn, định mức, mức giá quy định tại Khoản 1 Điều này là mức tối đa làm cơ sở cho lập dự toán mua sắm phục vụ công tác của cơ quan, tổ chức, đơn vị.

a) Trường hợp giá mua xe ô tô chuyên dùng cao hơn không quá 5% so với mức giá quy định tại Quyết định này, do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

b) Trường hợp giá mua xe ô tô chuyên dùng cao hơn từ trên 5% đến không quá 20% so với mức giá quy định tại Quyết định này, do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định (sau khi có ý kiến thống nhất của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh).

c) Khi giá xe ô tô phổ biến trên thị trường tăng, giảm trên 20% so với các mức giá quy định tại Quyết định này, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

### **Điều 4. Tổ chức thực hiện**

1. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị căn cứ vào tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng tại Quyết định này và các quy định của pháp luật có liên quan để lập kế hoạch, dự toán ngân sách mua sắm phục vụ công tác đặc thù của ngành và có trách nhiệm quản lý, sử dụng tài sản theo đúng chế độ quy định.

2. Sở Tài chính phối hợp với các cơ quan, tổ chức, đơn vị triển khai thực hiện Quyết định này. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc đề nghị phản ánh kịp thời về Sở Tài chính để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định.

### **Điều 5. Điều khoản thi hành**

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 18 tháng 11 năm 2019 và bãi bỏ Quyết định số 2104/QĐ-UBND ngày 25 tháng 8 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận về việc ban hành định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng; Quyết định số 669/QĐ-UBND ngày 26 tháng 4 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận về việc bổ sung tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các sở; thủ trưởng các ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Lưu Xuân Vĩnh**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH NINH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**Phụ lục**  
**TIÊU CHUẨN, ĐỊNH MỨC SỬ DỤNG ÔTÔ CHUYÊN DÙNG**  
**CỦA CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ, TỔ CHỨC THUỘC TỈNH NINH THUẬN**  
*(kèm theo Quyết định số 64/2019/QĐ-UBND ngày 08 tháng 11 năm 2019*  
*của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận)*

*(ĐVT: triệu đồng)*

STT	Tên đơn vị	Số lượng	Chủng loại	Mức giá tối đa	Ghi chú
<b>1</b>	<b>Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn</b>				
1.1	Trung tâm Nước sạch và VSMT nông thôn	01	Xe bán tải	900	
1.2	Chi cục Thủy lợi	01	Xe bán tải	900	
1.3	Chi cục Chăn nuôi và Thú y	01	Xe phòng chống dịch	1.100	
1.4	Chi cục Kiểm lâm	05	Xe bán tải	900	
1.5	BQL Rừng PHĐN Hồ Tân Giang	01	Xe bán tải	900	
1.6	BQL Rừng PHĐN Hồ Sông Trâu	01	Xe bán tải	900	
1.7	BQL Rừng PHĐN Krông Pha	01	Xe bán tải	900	
1.8	Trung tâm Giống hải sản cấp 1	01	Xe đông lạnh	1.300	Vận chuyển cung cấp các loại giống thủy sản tươi sống trong và ngoài tỉnh
		01	Xe bán tải	900	Vận chuyển vật tư, giống thủy sản tươi sống, máy móc thiết bị tập huấn chuyển giao công nghệ
1.9	BQL Rừng PHVB Thuận Nam	01	Xe bán tải	900	Tuần tra, kiểm soát truy quét, chống phá rừng, phòng cháy chữa cháy rừng
1.10	BQL rừng PHĐN Hồ Sông Sắt	01	Xe bán tải	900	Tuần tra, kiểm soát truy quét, chống phá rừng, phòng cháy chữa cháy rừng
1.11	BQL Khai thác các cảng cá	01	Xe bán tải	900	Kiểm tra hệ thống công trình các cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá, phục vụ công tác phòng chống lụt bão và tìm kiếm cứu nạn

STT	Tên đơn vị	Số lượng	Chủng loại	Mức giá tối đa	Ghi chú
1.12	Chi cục Thủy sản	01	Xe bán tải	900	Phục vụ công tác kiểm ngư, bắt các đối tượng sử dụng chất nổ, chất độc, súng điện đánh bắt hải sản; thực hiện cảnh báo thẻ vàng của EU (đánh bắt bất hợp pháp); phòng chống lụt bão và tìm kiếm cứu nạn
1.13	Trung tâm Giống cây trồng vật nuôi	01	Xe bán tải	900	Vận chuyển giống cây trồng, vật nuôi
1.14	Chi cục Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản	01	Xe bán tải	900	Thanh tra, kiểm tra công tác an toàn thực phẩm, điều tra thông kê các cơ sở kinh doanh về lĩnh vực nông nghiệp
1.15	Chi cục phát triển nông thôn	01	Xe bán tải	900	Tuyên truyền thành lập các HTX, kiểm tra các mô hình giảm nghèo, kiểm tra các hệ thống công trình
1.16	Trung tâm Khuyến nông	01	Xe bán tải	900	Tham gia chuyên đổi cơ cấu cây trồng, thường xuyên kiểm tra các mô hình khuyến nông, vận chuyển thiết bị phục vụ các lớp đào tạo, tập huấn
1.17	Chi cục Trồng trọt và bảo vệ thực vật	01	Xe bán tải	900	Kiểm tra đồng ruộng, sâu bệnh, dịch hại, chuyên đổi cơ cấu cây trồng; thanh tra kiểm tra tình hình buôn bán thuốc, phân bón, vật tư bảo vệ thực vật
<b>2</b>	<b>Sở Văn hóa, Thể thao &amp; Du lịch</b>				
2.1	Đoàn ca múa nhạc dân tộc	01	Xe 46 chỗ ngồi trở lên	3.000	
		01	Xe sân khấu lưu động	1.500	

STT	Tên đơn vị	Số lượng	Chủng loại	Mức giá tối đa	Ghi chú
2.2	Trung tâm Huấn luyện và thi đấu Thể dục thể thao	01	Xe 29 chỗ ngồi trở lên	1.600	
2.3	Trung tâm Văn hóa tỉnh (Đội thông tin lưu động miền núi)	01	Xe 29 chỗ ngồi trở lên	1.600	
		01	Xe sân khấu lưu động	1.500	
2.4	Trung tâm Phát hành phim và chiếu bóng	01	Xe bán tải hoán cải	900	Chủng loại theo QĐ 3053 BVHTTDL ngày 07/8/2017
2.5	Thư viện tỉnh	01	Xe thư viện lưu động	1.500	
<b>3</b>	<b>Sở Xây dựng</b>				
3.1	Thanh tra Sở	01	Xe bán tải	900	
<b>4</b>	<b>Sở Giao thông vận tải</b>				
4.1	Thanh tra Sở	01	Xe ô tô gắn biển hiệu Thanh tra giao thông	1.200	Xe phục vụ Trạm kiểm tra tải trọng xe lưu động
		01	Xe ô tô kiểm tra tải trọng xe	1.000	Gắn hệ thống cân điện tử phục vụ Trạm kiểm tra tải trọng xe lưu động
		05	Xe bán tải gắn biển hiệu Thanh tra giao thông	900	Xe phục vụ kiểm soát xử lý vi phạm
<b>5</b>	<b>Sở Lao động - Thương binh và Xã hội</b>				
5.1	Cơ sở Cai nghiện ma túy tỉnh	01	Xe cứu thương	1.000	
5.2	Trung tâm Công tác Xã hội tỉnh	01	Xe cứu thương	1.000	
5.3	Trung tâm Dịch vụ việc làm tỉnh	01	Xe 29 chỗ	1.600	
5.4	Trung tâm Công tác xã hội tỉnh	01	Xe 29 chỗ	1.600	
<b>6</b>	<b>Sở Tài nguyên và Môi trường</b>				
6.1	Trung tâm Quan trắc tài nguyên và môi trường	01	Xe bán tải	900	
6.2	Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh	01	Xe bán tải	900	
6.3	Chi cục Bảo vệ môi trường	01	Xe bán tải	900	
<b>7</b>	<b>Sở Công Thương</b>				
7.1	Trung tâm khuyến công và xúc tiến thương mại	01	Xe bán tải	900	
<b>8</b>	<b>Trường Cao đẳng nghề</b>	10	Xe 05 chỗ	900	Có gắn thiết bị chấm điểm tự động

STT	Tên đơn vị	Số lượng	Chủng loại	Mức giá tối đa	Ghi chú
8 tt	Trường Cao đẳng nghề	05	Xe tải 5,5 tấn trở lên	1.100	Có gắn thiết bị chấm điểm tự động
		01	Xe khách 29 chỗ	1.900	Có gắn thiết bị chấm điểm tự động
		01	Xe khách 45 chỗ	2.600	Có gắn thiết bị chấm điểm tự động
		15	Xe 05 chỗ	600	Xe tập lái
		05	Xe tải 5 tấn trở lên	600	Xe tập lái
9	<b>Ban An toàn giao thông tỉnh</b>	01	Xe bán tải	900	
10	<b>Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình giao thông</b>	01	Xe bán tải	900	
11	<b>BQL Vườn Quốc gia Phước Bình</b>				
11.1	Ban quản lý VQG Phước Bình	01	Xe bán tải 02 cầu	900	Xe tuần tra bảo vệ, phòng cháy chữa cháy rừng
11.2	Hạt Kiểm lâm Ban quản lý VQG Phước Bình	01	Xe ô tô tải 2.5 tấn	600	Xe tuần tra bảo vệ, phòng cháy chữa cháy rừng
12	<b>BQL Vườn Quốc gia Núi Chúa</b>				
12.1	Ban Quản lý VQG Núi Chúa	01	Xe bán tải 02 cầu	900	Xe tuần tra bảo vệ, PCCC rừng.
12.2	Hạt Kiểm lâm Ban quản lý VQG Núi Chúa	01	Xe ô tô tải 2.5 tấn	600	Xe tuần tra bảo vệ, phòng cháy chữa cháy rừng
13	<b>Đài Phát thanh và Truyền hình</b>	01	Xe tải 5,5 tấn	1.500	Gắn thiết bị sản xuất chương trình trực tiếp
		01	Xe 16 chỗ	2.000	Gắn thiết bị sản xuất chương trình lưu động
		01	Xe 7 chỗ	1.300	Gắn thiết bị sản xuất chương trình lưu động vùng sâu, vùng xa
14	<b>UBND huyện Thuận Bắc</b>				
14.1	Văn phòng HĐND-UBND	01	Xe bán tải	900	Kiểm tra xử lý trật tự đô thị
14.2	Trung tâm Văn hóa thể thao và Truyền thanh	01	Xe bán tải	900	
15	<b>UBND huyện Ninh Hải</b>				
15.1	Văn phòng HĐND-UBND	01	Xe bán tải	900	Kiểm tra xử lý trật tự đô thị
15.2	Trung tâm Văn hóa thể thao và Truyền thanh	01	Xe bán tải	900	
16	<b>UBND huyện Thuận Nam</b>				
16.1	Văn phòng HĐND-UBND	01	Xe bán tải	900	Kiểm tra xử lý trật tự đô thị
16.2	Trung tâm Văn hóa thể thao và Truyền thanh	01	Xe bán tải	900	

STT	Tên đơn vị	Số lượng	Chủng loại	Mức giá tối đa	Ghi chú
<b>17</b>	<b>UBND huyện Ninh Sơn</b>				
17.1	Văn phòng HĐND-UBND	01	Xe bán tải	900	Kiểm tra xử lý trật tự đô thị
17.2	Trung tâm Văn hóa thể thao và Truyền thanh	01	Xe bán tải	900	
<b>18</b>	<b>UBND huyện Ninh Phước</b>				
18.1	Văn phòng HĐND-UBND	01	Xe bán tải	900	Kiểm tra xử lý trật tự đô thị
18.2	Trung tâm Văn hóa thể thao và Truyền thanh	01	Xe bán tải	900	
<b>19</b>	<b>UBND huyện Bắc Ái</b>				
19.1	Văn phòng HĐND-UBND	01	Xe bán tải	900	Kiểm tra xử lý trật tự đô thị
19.2	Trung tâm Văn hóa thể thao và Truyền thanh	01	Xe bán tải	900	
<b>20</b>	<b>UBND thành phố Phan Rang - Tháp Chàm</b>				
20.1	Văn phòng HĐND-UBND	01	Xe bán tải	900	Kiểm tra xử lý trật tự đô thị
20.2	Trung tâm Văn hóa thể thao và Truyền thanh thành phố	01	Xe tải 6 tấn	1.100	Xe Văn hóa thông tin tuyên truyền
20.3	Đội quản lý trật tự đô thị	01	Xe tải 6,7 tấn gắn thiết bị hút bùn	1.800	Xe hút bùn chân không
		01	Xe tải 5,1 tấn gắn thiết bị hút bùn	1.800	Xe hút bùn chân không
		01	Xe tải 5,1 tấn gắn thiết bị hút bùn	1.800	Xe hút bùn chân không
		01	Xe tải 5,2 tấn gắn thiết bị thông tắc cống	1.800	Xe ô tô thông tắc cống (bơm nước áp lực cao - thông tắc)
		01	Xe tải 5,1 tấn gắn thiết bị hút bùn	1.800	Xe ô tô hút bùn, chất thải chân không
		01	Xe tải dưới 2,5 tấn	400	Phục vụ công tác cưỡng chế thu hồi đất và quản lý trật tự đô thị
<b>21</b>	<b>Hội đồng nhân dân tỉnh</b>	01	Xe bán tải	900	Phục vụ khảo sát, giám sát địa bàn miền núi, vùng sâu, vùng xa
<b>Tổng cộng</b>		<b>112</b>			